TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỚN QUẢN** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 30/2023/DS-ST
Ngày 24/8/2023
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất; Yêu cầu bồi thường thiệt hại; Tranh chấp tài sản trên đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Thanh
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Trọng Vĩnh.
2. Ông Nguyễn Đình Như

Thư ký phiên tòa:Bà Trần Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa*:** Ông Dương Văn Sáu– Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/8/2023 và ngày 24/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2021/TLST- DS ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất; Yêu cầu bồi thường thiệt hại; Tranh chấp tài sản trên đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST- DS ngày 27/7/2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974 (Có mặt lúc xét xử, vắng mặt tại thời điểm tuyên án).

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Long Bình, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1944 (Có mặt lúc xét xử, vắng mặt tại thời điểm tuyên án).

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Long Bình, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977(Có mặt lúc xét xử, vắng mặt tại thời điểm tuyên án).

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Long Bình, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 (Có mặt lúc xét xử, vắng mặt tại thời điểm tuyên án).

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Long Bình, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

2.Ông Hồ Đình C, sinh năm 1963. (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

3. Bà Lê Thị Y, sinh năm 1970. (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 4, ấp Long Bình, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày :

Vào năm 2013, bà Nguyễn Thị T được bà Nguyễn Thị C tặng cho một phần quyền sử dụng đất bao gồm thửa đất rẫy giáp phần mép suối và một phần thửa đất ngang 5m (Giáp đường ĐT 756C) chạy sâu xuống giáp với phần đất rẫy thuộc thửa đất số 91 tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Long Bình, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Sau khi được tặng cho thì bà T là người quản lý sử dụng và canh tác trên đất.

Việc tặng cho có làm hợp đồng và được chứng T tại ủy ban nhân dân xã Tân Quan huyện, Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo hợp đồng tặng cho số 101, quyển số 01/2013 ngày 28/11/2013 của UBND xã Tân Quan.

Sau khi bà T quản lý sử dụng đất thì bà C và ông T tự động thuê máy múc múc phần diện tích đất nằm trong diện tích đất mà bà C đã tặng cho bà T. Việc múc đất làm cản trở bà T không có đường đi vào khu đất rẫy ở phía trong. Bà Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà C trả lại hiện trạng ban đầu nhưng bà C không đồng ý.

Nay bà T yêu cầu bà C như sau.

-Buộc bà C phải trả lại diện tích đất 5m phần giáp với mặt đường nhựa, chiều sâu xuống giáp phần đất rẫy, công nhận toàn bộ tài sản trên đất là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị T.

-Buộc bà Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T phải trả lại hiện trạng ban đầu trước khi múc đất hoặc bồi thường số tiền tương ứng với chi phí bồi lấp của Hội đồng định giá.

-Đối với yêu cầu phản tố của bà C thì bà T không đồng ý vì lý do. Tài sản trên đất nằm trên phần diện tích đất 5m chạy sâu đến phần giáp đất rẫy bà C đã tặng cho bà T và bà T đã quản lý sử dụng nên bà C yêu cầu bà T trả lại các tài sản trên đất là không có căn cứ. Do đó, đề nghị tòa không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà C.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà C và bà T là hai mẹ con ruột. Trước đây, không nhớ thời gian, bà C có hứa với bà T là cho 5m ngang giáp với phần đường nhựa, chạy sâu hết đất xuống giáp với phần đất rẫy mà bà C đã cho bà T để có đường đi lại. Việc tặng cho chỉ hứa bằng miệng và bà T chưa quản lý sử dụng đất. Còn hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất tại UBND xã Tân Quan thì bà C không ký vào hợp đồng.

Bà C xác định việc san lấp mặt bằng là do bà C là người quyết định, bà C chỉ nhờ ông T là con trai ruột đi kêu máy múc cho bà C, việc máy múc như thế nào là do bà C yêu cầu thợ lái máy múc, tiền máy múc là do bà C chi trả không liên quan gì đến ông T. Còn việc san

lấp sản lượng bao nhiêu thì bà C không nắm rõ được mà bà C chỉ nhớ trả tiền máy khoảng 3.000.000 đồng. Đối với người lái máy múc mà ông T kêu dùm cho bà C thì hiện nay đã chết nên không thể mời để làm chứng được.

Đồng thời bà C xác định trong thời gian tranh chấp với bà T thì phần diện tích đất còn lại của bà C đã làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T là con trai ruột bà C hiện nay ông T là người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó phần xác định ranh giới, mốc giới theo sơ đồ đo đạc thì ông T là người có ý kiến chứ bà C không có ý kiến.

Hiện nay bà T yêu cầu trả lại 5m phần giáp đường nhựa chạy xuống phần đất rẫy của bà T, toàn bộ tài sản trên đất, và yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền san lấp tương ứng với định giá thì bà C không đồng ý.

Đối với yêu cầu phản tố của bà C thì những tài sản trên đất do bà C là người tạo ra, cũng không làm hợp đồng tặng cho tài sản trên đất do đó đề nghị tòa án xác định đây là tài sản của bà C. Bà C có thể nhận tài sản hoặc tiền tương ứng với tài sản.

-Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày.

Ông Nguyễn Văn T là con của bà Nguyễn Thị C, và em gái ruột của bà Nguyễn Thị T. Việc tranh chấp đất trên phần diện tích đất 5m và tài sản trên đất thì ông T không có ý kiến gì vì đây là tranh chấp giữa bà C và bà T.

Riêng đối với phần bà T yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C phải bồi thường cho bà T số tiền san lấp lại mặt bằng tương ứng với số tiền định giá thì ông T không đồng ý. Vì ông T là người đi kêu dùm máy múc cho bà C, còn lại bà C là người quyết định sang lấp, là người trả tiền máy múc, tại thời điểm đó đất đứng tên bà C nên ông T không có quyền hạn gì nên không đồng ý cùng với bà C trả tiền bồi thường cho bà T.

Đối với phần ranh đất, trong quá trình giải quyết tranh chấp giữa bà C và bà T thì bà C có làm hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất đứng tên bà C cho ông T, hiện nay ông T là người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với ranh giới sau khi đo đạc thì ông T đề nghị sử dụng đất theo ranh T tế và đề nghị tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Đình C, bà Lê Thị Y trình bày.

Ông Hồ Đình C và bà Lê Thị Y là hai vợ chồng. Trước đây ông C, bà Y có chuyển nhượng cho bà bà T phần diện tích đất 6m (giấp đường nhựa), chạy sâu xuống hết đất giáp với phần đất Rẫy của bà T. Sau này đã làm thủ tục chuyển nhượng Quyền sử dụng đất cho bà T. Hiện nay bà T đã đứng tên Quyền sử dụng đất trên phần diện tích đất này.

Đối với phần ranh giới,mốc giới, các gia đình đã sử dụng ổn định lâu dài, sau khi tòa án cho xem sơ đồ đo đạc của công ty đo đạc bản đồ Tấn Thành, thì ông C, bà Y đã lấy thước đo lại phần diện tích đất còn lại của mình và phù hợp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho ông C và bà Y. Do đó, ông C, bà Y, đề nghị tòa án nhân dân huyện Hớn Quản giải quyết theo ranh T tế đã sử dụng ổn định lâu dài từ trước cho đến nay. Do công việc

bận nên ông C, bà Y đề nghị tòa án nhân dân huyện Hớn Quản,tỉnh Bình Phước giải quyết vắng mặt.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 457, 459 Bộ luật dân sự 2015, Điều 166, 167 Luật đất đai 2013 đề xuất chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị C trả lại diện tích đất 5 x 130m tọa lại tại ấp Long Bình, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Bồi thường số tiền 13.200.000 đồng để bồi lấp diện tích bị múc.

Đề xuất chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

Không công nhận phần diện tích đất 5 x 130m là của bà C.

Buộc bà T phải trả cho bà C số tiền 9.898.000 đồng, tương đương giá trị tài sản trên đất.

Đối với 30 cọc bê tông và lưới B40 bà C có trách nhiệm di dời.

Về án phí, lệ phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại đơn khởi kiện Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T khởi kiện bà Nguyễn Thị C trả lại diện tích khoảng 5x130, nhưng theo bản đồ đo đạc của công ty TNHH đo đạc bản đồ Tấn Thành xác định phần diện tích đất tranh chấp là 531,7m^2 nên bà T xác định phần diện tích đất tranh chấp 531,7$m^{2,}$ ngoài ra bà T còn yêu cầu tòa án công nhận tài sản trên đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại. Do đó Tòa án xác định đây là tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp tài sản trênn đất, Yêu cầu bồi thường thiệt hại. Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phản tố của bị đơn: Qúa trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị C cho rằng tài sản trên đất là do bà C tạo dựng, tại thời điểm tặng cho không tặng cho tài sản trên đất nên bà C làm yêu cầu phản tố đề nghị tòa án Công nhận tài sản trên đất là của bà C.

Về thời điểm làm yêu cầu phản tố sau buổi công khai chứng cứ và hòa giải ngày 8/8/2022 mặc dù vi phạm thủ tục tố tụng quy định tại Điều 199 Bộ luật tố tụng Dân sự nhưng để đảm bảo giải quyết triệt để vụ án, tòa án thụ lý yêu cầu phản tố của bà C.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc đề nghị bà C trả lại đất và tài sản trên đất, đề ghị bà C, ông T bồi thường giá trị tiền tương ứng với việc san lấp lại mặt bằng theo giá trị của Hội đồng định giá: Hội đồng xét xử xét thấy:

Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 15 trước đây là quyền sử dụng đất của bà C, hiện nay đứng tên bà T. Đối với tài sản trên đất các đương sự thừa nhận bà bà C là người tạo dựng tài sản trên đất. Đối với việc san lấp các đương sự khẳng định có thuê máy múc để san lấp ao trong đó có phần diện tích đất của bà T. Những nội dung trên các đương sự đều thừa nhận. Đây là sự thật không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét về nguồn gốc đất: Phần diện tích đất tranh chấp có diện tích theo sơ đồ đo đạc của công ty Tấn Thành có diện tích là 531,7m2 có nguồn gốc từ thửa đất số 91, tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại ấp Long Bình, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước dứng tên bà Nguyễn Thị C. Đối chiếu với quá trình chuyển quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 148, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp Long Bình, xã Tân Quan T hiện theo hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất ngày 25/11/2013 có chứng T tại UBND xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Do đó, việc UBND xã Tân Quan chứng T tặng cho Quyền sử dụng đất giữa bà C với bà T là đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng có giá trị thi hành đối với các bên. Qúa trình giải quyết vụ án, bà C nói rõ chữ ký,chữ viết trong hợp đồng không phải là của bà C. Tuy nhiên tòa án đã giải thích rõ quyền yêu cầu giám định nhưng bà C không T hiện vì bà C trình bày không có tiền coi như bà C từ bỏ quyền yêu cầu của mình.

Đồng thời quá trình làm việc tại bản tự khai ngày 09/01/2022 bà C thừa nhận có cho diện tích đất có bề ngang 5m, dài khoảng 130 (Bản tự khai tự tay bà C viết), sau này bà C không thừa nhận.

Xét quá trình tặng cho quyền sử dụng đất, thì năm 2013 cùng với việc tặng cho quyền sử dụng đất cho bà T, thì bà C cùng tặng cho ông Phúc một phần diện tích. Sau khi làm thủ tục tặng cho thì ông Phúc, bà T đã được tách sổ và phần diện tích còn lại đứng tên bà Nguyễn Thị C, đến năm 2023 thì bà C mới làm thủ tục tặng cho ông Nguyễn Văn T.

Do đó, phần diện tích 531,7m2 bà C đã làm thủ tục tặng cho bà T phù hợp quy định pháp luật và đã đứng tên bà T. Đồng thời, việc sang tên từ năm 2013, bà T đã sử dụng ổn định. Do đó việc bà C trình bày chưa cho bà T là không có cơ sở để chấp nhận. Nên yêu cầu của bà T là có căn cứ để chấp nhận.

2.2. Đối với việc yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà T về việc yêu cầu bà C và ông T phải bồi thường số tiền san lấp lại mặt bằng tương ứng với số tiền mà Hội đồng định giá đã T hiện, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình làm việc và tại phiên tòa, bà C và ông T đều trình bày rõ là việc san lấp là do ý kiến của bà C, bà C chỉ nhờ ông T là người đi kêu máy móc dùm, còn việc múc như thế

nào và trả tiền máy múc là do bà C quyết định. Do đó, việc bà bà T yêu cầu bà C, ông T bồi thường số tiền san lấp theo định giá của hội đồng định giá là không phù hợp, mà bà C là người phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà T.

Tại phiên tòa, bà T đề nghị bồi thường theo mức định giá theo hội đồng định giá trong quá trình giải quyết vụ án bao gồm: 13 xe đất, và số tiền công múc san bằng 2.000.000 đồng, tổng cộng là 13.200.000 đồng. Do đó việc bà T yêu cầu bồi thường tiền bồi đắp mặt bằng theo biên bản của hội đồng định giá là có cơ sở để chấp nhận. Do đó, bà C phải bồi thường cho bà T với số tiền là 13.200.000 đồng.

2.3. Đối với yêu cầu công nhận tài sản trên đất là của bà Nguyễn Thị T, yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị C về việc đề nghị tòa án công nhận toàn bộ tài sản trên đất là của bà C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận diện tích đất 531,7m2 và toàn bộ tài sản trên đất trước đây là của bà C.Tại thời điểm ký hợp đồng tặng cho năm 2013 tại ủy ban nhân dân xã Tân Quang, trong hợp đồng xác định chỉ tặng cho quyền sử dụng đất mà không tặng cho tài sản trên đất. Đồng thời sau khi nhận đất thì bà bà T không tái tạo, trồng mới, xây dựng công trình khác. Do đó hội đồng xét xử xác định toàn bộ tài sản trên diện tích đất tranh chấp là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị C. Do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị tòa án công nhận toàn bộ tài sản trên đất là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị T là không có cơ sở để chấp nhận, yêu cầu phản tố của bị đơn được tòa án chấp nhận.

Do diện tích đất nêu trên là quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Nguyễn Thị T. Đồng thời tải sản trên đất bao gồm cây mít, cây gỗ cẩm lai, cây gỗ rừng khác . Đây là những tài sản không thể đi dời do đó quy ra tiền buộc bà Nguyễn Thị T phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị C số tiền theo đánh giá của hội đồng định giá cụ thể tài sản như sau: 11 cây mít 15 năm tuổi x 638.000 đồng/01 cây thành tiền là 7.018.000 đồng; 06 cây gỗ Cẩm lai 17 năm tuổi x480.000 đồng / 01 cây x 6 cây thành tiền là 2.880.000 đồng; Tổng số tiền là 9.898.000 đồng. Đối với 30 cọc bê tông, lưới bê 40, các đương sự không yêu cầu định giá, giải quyết nên không xem xét. Do đó cần giao các loại cây nêu trên cho bà T, bà T phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị C số tiền là 9.898.000 đồng

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng:

Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận một phần nên chi phí tố tụng nguyên đơn, bị đơn phải chịu 1/2 bao gồm:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 1.500.000 đồng; Chi phí định giá tài sản 3.500.000 đồng, chi phí đo đạc 22.155.000. Tổng cộng: 26.155.000 đồng: 2 =13.077.500 đồng. Do bà T đã nộp số tiền trên nên bà C phải trả lại số tiền 13.577.500 đồng cho bà T.

[5] Về án phí:

Bà C được miễn tiền án phí.

Bà T phải chịu 450.000.000 đồng .

Từ các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

Điều 457, 459 Bộ luật dân sự 2015;

Điều 203 Luật đất đai 2013;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, chấp nhận yêu cầu phản tố bị đơn bà Nguyễn Thị C.

Buộc bà Nguễn Thị C trả lại cho bà Nguyễn Thị T diện tích đất T tế sử dụng là 531,7m2 cụ thể như sau:

Phần giáp với đường ĐT756C có chiều rộng 05m; Cạnh giáp với thửa đất số 145 của ông Nguyễn Văn T dài 120,67m; Cạnh giáp đất bà Nguyễn Thị T (Nhận chuyển nhượng hộ ông Hồ Đình C) dài 115.88m; Cạnh giáp bà Nguyễn Thị T (Phần đất rẫy phía sau) dài 5,06m. Vị trí tứ cận thửa đất thể hiện tại Trích đo bản đồ địa chính ngày 14/7/2022 do Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ Tấn Thành T hiện.

Các đương sự có quyền liên hệ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xin đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi và điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các đương sự theo hiện trạng sử dụng đất.

Giao cho bà Nguyễn Thị T quyền quản lý, sử dụng, định đoạt 11 cây mít 15 năm tuổi, 6 cây Cẩm lai 17 năm tuổi.

Buộc bà Nguyễn Thị C phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 13.200.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả lại tiền giá trị tài sản cho bà Nguyễn Thị C số tiền là 9.898.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về chi phí tố tụng:

Bị Nguyễn Thị T phải chịu 13.577.500, do bà T đã nộp nên không phải nộp thêm.

Bà Nguyễn Thị C phải trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 13.577.500 đồng.

3. Về án phí: Bà C được miễn tiền án phí.

Bà Nguyễn Thị T phải nộp 499.450 đồng được cấn trừ vào số tiền 1.050.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị T đã nộp. Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hớn Quản trả lại cho bà C 550.500 tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013637 ngày 21/12/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được T hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- CC.THADS huyện Hớn Quản;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Thanh